

Số: /BC-SNN.TCC

Đồng Tháp, ngày tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp năm 2021

I. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Các văn bản chỉ đạo thực hiện

Để triển khai thực hiện Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 19/QĐ-BNN-KH ngày 04/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã chỉ đạo ban hành các văn bản tổ chức điều hành và kế hoạch thực hiện Tái cơ cấu nông nghiệp (TCCNN), triển khai thực hiện các kế hoạch TCCNN ngắn hạn và trung hạn trên toàn Tỉnh. Qua đó, đã ban hành Kết luận số 250-KL/TU ngày 09/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và Công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2025.

Đồng thời, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp chủ động tổ chức tuyên truyền, vận động sâu rộng trong cán bộ, công chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã (HTX) và quần chúng nhân dân, để tạo nên sự đồng thuận cao trong nhận thức và hành động, cùng nhau phát triển kinh tế nông nghiệp, giảm nghèo, chung sức xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

Với sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, tạo đồng thuận trong xã hội từng bước thay đổi nhận thức, tập quán từ sản xuất nhỏ lẻ, truyền thống sang phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác; tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giúp giảm giá thành, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm gắn với chuỗi giá trị bền vững; thay đổi tư duy từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp” trong hệ thống ngành nông nghiệp. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đã xuất hiện nhiều mô hình, cách làm hay trong sản xuất, thu hoạch nông sản để thích ứng với tình hình phức tạp của dịch bệnh, đồng thời xuất hiện nhiều phương thức liên kết, cung ứng nông sản qua các hệ thống thương mại điện tử mang lại hiệu quả.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện mục tiêu một số chỉ tiêu chủ yếu

- Kết quả tính toán Bộ tiêu chí giám sát đánh giá cơ cấu lại ngành nông nghiệp (*ban hành kèm theo Quyết định số 255/QĐ-TTg*): có 04/15 tiêu chí đạt, có 01/15 tiêu chí chưa có kết quả tính toán do chưa khảo sát, thống kê (*chi tiết xem Phụ lục 1.1*).

- Giá trị sản xuất (GTSX) toàn ngành nông nghiệp cả năm 2021 ước đạt 45.610 tỷ đồng (*theo giá so sánh 2010*), bằng 100% kế hoạch năm và tăng 1.501 tỷ đồng so cùng kỳ, tương đương giá trị tăng thêm đạt 19.845 tỷ đồng, tăng 3,32% so cùng kỳ, tuy nhiên, thấp hơn chỉ tiêu đề ra từ đầu năm là 19.917 tỷ đồng, tăng 3,7% (*chi tiết xem Phụ lục 1.2 đính kèm*).

- Sản xuất liên kết, hợp tác và sản xuất theo quy trình tốt có xu hướng tăng, cao hơn mục tiêu chung của vùng ĐBSCL với tỷ lệ năm 2021 đạt 21,1% (*tăng 0,7% so cùng kỳ*). Tỷ lệ giá trị sản phẩm Nông lâm thủy sản được sản xuất theo quy trình sản xuất tốt hoặc tương đương đạt 14% (*giảm 2,1% so cùng kỳ*).

- Dự kiến đến cuối năm 2021, có thêm ít nhất 05 xã đạt chuẩn NTM (*đạt 100% chỉ tiêu*); có ít nhất 8 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (*đạt 100% chỉ tiêu*). Tính đến cuối tháng 12/2021, toàn Tỉnh đã có 97/115 xã được công nhận đạt chuẩn NTM (*chiếm 84,34%*); đối với huyện đạt chuẩn nông thôn mới có 03 đơn vị hoàn thành nhiệm vụ NTM (*thành phố Sa Đéc, thành phố Cao Lãnh và thành phố Hồng Ngự*), 02 huyện (*Tháp Mười, Cao Lãnh*) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp đạt 48,2% trong tổng lao động xã hội (*tiếp tục giảm 1,1% so với cùng kỳ*).

- Tỷ lệ giảm nghèo ước đạt 1,36%, giảm 0,50%/năm; Thu nhập bình quân hộ nghèo cuối năm 2021 dự kiến tăng 1,02 lần so với năm 2020; cuối năm 2020 là 1.432.017 đồng/người/tháng, năm 2021 dự kiến là 1.446.909 đồng/người/tháng.

2. Đánh giá tái cơ cấu trong các lĩnh vực

2.1 Ngành hàng lúa gạo

- GTSX ngành hàng lúa gạo năm 2021 ước đạt 15.811 tỷ đồng (*tăng 0,55% so với năm 2020, tương đương 86,8 tỷ đồng*), chiếm 34,5% tỷ trọng của ngành nông nghiệp.

- Diện tích sản xuất lúa cả năm 504.295 ha, đạt 99,5% so với kế hoạch và giảm 9.913 ha so với cùng kỳ năm trước (*do giảm vụ và chuyển đổi sang cây trồng khác*), sản lượng khoảng 3.324.867 tấn (*giảm 41.681 tấn so cùng kỳ*), năng suất đạt 65,93 tạ/ha (*tăng 0,46 tạ/ha so cùng kỳ*).

Ước diện tích chuyển đổi cây trồng trên nền đất lúa kém hiệu quả năm 2021 là 5.357,7 ha, trong đó diện tích chuyển đổi cây hàng năm 3.836,7 ha; chuyển đổi cây lâu năm 1.324,2 ha; trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản 196,8 ha. Luỹ kế từ 2017 đến nay đã chuyển đổi 30.127,1 ha. Nhìn chung, hiệu quả kinh tế từ việc

chuyển đổi sang trồng hoa màu sẽ cho lợi nhuận tăng gấp 2 - 3 lần và tăng 3 - 8 lần trên cây ăn trái.

- Tổ chức lại sản xuất theo hình thức kinh tế tập thể, trong năm 2021 thành lập mới 03 HTX, 01 Hội quán. Luỹ kế đã có 137 Hợp tác xã, 20 THT, 01 Hội quán được thành lập và hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực lúa gạo. Trên địa bàn Tỉnh hiện nay có khoảng 175 doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành chế biến lương thực (*xay xát, lau bóng*). Trong đó có 38 doanh nghiệp xuất khẩu (*16 doanh nghiệp trong tỉnh và 12 doanh nghiệp ngoài tỉnh*) với công suất thiết kế khoảng 6,6 triệu tấn/năm. Sản lượng năm 2021 là 2,395 triệu tấn giảm 9,66% so 2020 (*sản lượng 2020 là 2,651 triệu tấn*), kim ngạch xuất khẩu ước đạt 163,5 triệu USD, tăng 10,1% so với năm 2020. Mặt hàng gạo của tỉnh hiện đã xuất khẩu sang 32 thị trường; trong đó chủ yếu là thị trường Philippines chiếm 56,4% tổng lượng gạo xuất khẩu của tỉnh, tiếp đến là Singapore với 12,4%, còn lại là các thị trường khác.

- Thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ: vụ Đông-Xuân có 64 HTX, trên 50 THT và nông dân ký hợp đồng cùng 36 công ty doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 22,27% diện tích sản xuất (*diện tích 43.665 ha, sản lượng 317.824 tấn*); vụ Hè-Thu có 51 HTX, trên 40 THT và nông dân ký hợp đồng cùng 38 công ty doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 14,59% tổng diện tích sản xuất (*diện tích 27.350 ha, sản lượng 166.658 tấn*).

- Giá thành sản xuất lúa dao động từ 2.649 - 3.789 đồng/kg tùy vào từng vụ và cơ cấu giống lúa¹.

- Về cơ cấu giống: trong năm 2021, việc sử dụng các giống chất lượng cao tiếp tục ngày càng được chú trọng. Tỷ lệ sử dụng giống chất lượng cao, thơm đặc sản chiếm 63,26% (*tăng 1,72% so với năm 2020*)²; tỷ lệ diện tích sử dụng nếp chiếm 18,38% (*giảm 2,19% so với năm 2020*)³; nhóm giống lúa thường chiếm tỷ lệ 18,36% (*tương đương với năm 2020*)⁴.

¹ - Giá thành sản xuất vụ Đông Xuân 2020 - 2021 trên nhóm giống lúa thường và lúa chất lượng cao dao động 2.649 - 2.858 đồng/kg (giảm 109 - 371 đồng/kg so cùng kỳ), lợi nhuận trung bình dao động khoảng 23- 28,9 triệu đồng/ha (tăng khoảng 8,4 - 9,4 triệu đồng/ha so cùng kỳ); riêng trên nhóm giống nếp, giá thành sản xuất giảm 371 đồng/kg, nhưng do giá bán giảm hơn 1.300 đồng/kg nên lợi nhuận giảm 5,6 triệu đồng/ha so với cùng kỳ.

- Vụ Hè Thu 2021 giá thành sản xuất trung bình khoảng 3.105 đồng/kg, do thời điểm thực hiện giãn cách xã hội, lợi nhuận bình quân toàn vụ giảm khoảng 1,5 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2020 .

- Giá thành sản xuất vụ Thu Đông 2021 khoảng tháng 9 dao động từ 3.506 - 3.789 đ/kg (tăng 391-543 đ/kg so với cùng kỳ năm 2020), chủ yếu do giá phân bón tăng nên chi phí đầu tư phân bón tăng thêm từ 29,2% - 63,9%. Lợi nhuận bình quân toàn vụ giảm 10,4 triệu đồng/ha. Vào khoảng tháng 11 tăng 491 - 643 đ/kg so với cùng kỳ năm 2020, giá bán có xu hướng tăng trở lại nên lợi nhuận bình quân toàn vụ ước tính giảm 8 triệu đồng/ha so với cùng kỳ năm 2020.

² Đà Thơm 8, OM 18, OM 4900, OM 5451 là những giống chiếm diện tích cao.

³ Giống IR 46-25 chiếm chủ yếu..

⁴ Chủ yếu IR 50404 là giống sản xuất chính.

- Ứng dụng cơ giới hoá cơ bản đáp ứng yêu cầu hầu hết các khâu trước, trong và sau thu hoạch⁵, tỷ lệ cơ giới hóa nông nghiệp của Tỉnh cũng từng bước được nâng lên⁶. Với việc gần như 100% diện tích lúa tỉnh Đồng Tháp được thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, đảm bảo năng suất tối đa cho nông dân (*trừ một số vùng sâu vùng xa, máy gặt không tiếp cận được*); khâu sấy: cơ bản đáp ứng được diện tích sản xuất lúa cả tỉnh.

Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh, lũy kế có 112 máy cuộn rơm các loại⁷, rơm cuộn được bán phục vụ cho nhu cầu trồng nấm rơm (*sau khi kết thúc vụ nấm là nguồn nguyên liệu phục vụ cho trồng hoa kiểng*) hoặc ủ làm phân hữu cơ phục vụ cho các cây trồng khác (*rơm và phân bò kết hợp với chế phẩm sinh học Trichoderma*) và rơm cuộn rất thuận tiện vận chuyển đi xa (*bán đi các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre hoặc các tỉnh miền đông Nam Bộ để làm thức ăn cho gia súc, làm phân hữu cơ, giữ ẩm cho đất trồng cây ăn trái,...*) góp phần bảo vệ môi trường từ việc hạn chế đốt đồng, tăng thu nhập, phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn cho ngành lúa gạo được hiệu quả.

- Trong năm 2021, chưa phát triển thêm thương hiệu mới cho ngành hàng. Tuy nhiên, có thêm 14 sản phẩm được công nhận OCOP hạng 3 sao. Lũy kế từ năm 2019 - 2021 đã có 45 sản phẩm gạo và chế biến từ gạo được công nhận đạt chuẩn OCOP⁸. Các sản phẩm gạo, chế biến từ gạo đã vào được hệ thống Co.opmart, MM Mega market, Bách Hóa Xanh và hệ thống thương mại điện tử như Voso, Postmart, Lazada, Shopee, Sendo, Tiki⁹.

2.2 Ngành hàng xoài

- GTSX ngành hàng xoài năm 2021 ước đạt 1.946 tỷ đồng, giảm 3,18% so năm 2020, tương đương giá trị 64 tỷ đồng, chiếm 4,3% tỷ trọng của ngành nông nghiệp.

- Tổng diện tích là 13.688 ha (*tăng 1.517 ha so với cùng kỳ*). Sản xuất xoài theo hướng VietGAP, chiếm tỷ lệ 1,14% diện tích trồng xoài (*diện tích 145,14 ha, giảm so với năm 2020 diện tích đạt chứng nhận 375 ha*). Cấp mã số vùng trồng xoài và cơ sở đóng gói chiếm 36% diện tích, kết nối liên kết tiêu thụ, đối với thị trường Trung Quốc cấp 62 mã vùng (*diện tích 3.927,6 ha*); đối với thị trường các nước phát triển cấp 45 mã vùng (*diện tích 987,7 ha*).

⁵ Có trên 2.122 máy cày, 3.838 máy xới các loại, khoảng 98 máy cấy, 1.153 máy sạ hàng - phun xịt; 69.260 máy phun thuốc trừ sâu có động cơ; 1.620 máy gặt đập liên hợp, 510 lò sấy; 1.580 trạm bơm và 8.481 hệ thống tưới ...

⁶ Khâu làm đất 100% diện tích; khâu gieo sạ, cấy: có 88,87% diện tích gieo sạ lúa bằng máy (kể cả công cụ sạ hàng, máy cấy); khâu chăm sóc: 97,21% diện tích sản xuất được bơm tưới chủ động bằng Trạm bơm điện hoặc máy dầu; có 96,12% diện tích được phun thuốc bảo vệ thực vật bằng máy; có 39,38% diện tích phun phân bằng máy; khâu thu hoạch: có 99,45% diện tích sản xuất thu hoạch bằng máy

⁷ Với công suất bình quân 5 ha/ngày (100 cuộn/ha) đáp ứng khoảng 15.450 ha/vụ (chiếm khoảng 7,5% diện tích 1 vụ lúa của tỉnh)

⁸ Gồm 35 sản phẩm 3 sao, 10 sản phẩm 4 sao. Năm 2019 - 2020: có 05 sản phẩm gạo và 26 sản phẩm chế biến từ gạo; Năm 2021: có 02 sản phẩm gạo và 12 sản phẩm chế biến từ gạo.

⁹ Nguồn: Sở Công thương cung cấp.

- Nhằm nâng cao giá trị xoài và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, trong năm 2021, thành lập thêm 01 HTX, 01 Hội quán. Luỹ kế đến nay, có 19 HTX, 43 tổ hợp tác và 38 Hội quán nông dân trồng xoài. Có khoảng 14 cơ sở, doanh nghiệp sơ, chế biến xoài với quy mô nhỏ, chế biến khoảng 10% sản phẩm tươi. Tiếp tục duy trì việc liên kết sản xuất và tiêu thụ xoài dài hạn với trên 10 doanh nghiệp¹⁰. Ngoài chợ đầu mối trái cây ở xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh và TP. Cao Lãnh, còn có 110 điểm thu mua nông sản vừa tiêu thụ trong nước và xuất qua Trung Quốc (*huyện Cao Lãnh 70 và TP. Cao Lãnh 40*).

- Trong năm 2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quy chế Quản lý và Quy chế Kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc và việc sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Cao Lãnh” cho sản phẩm xoài¹¹. Đồng thời, tổ chức thực hiện thí điểm tại 2 đơn vị là Hợp tác xã xoài Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh và Công ty TNHH Westernfarm (*thời gian thí điểm 3 tháng kể từ ngày 11/6/2021*)¹², hướng dẫn 2 đơn vị sử dụng tem chỉ dẫn địa lý lên sản phẩm, sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý lên bao bì hàng hóa và phương tiện kinh doanh. Đồng thời, hướng dẫn 2 đơn vị tự kiểm soát chất lượng sản phẩm và kỹ thuật bảo quản sản phẩm. Kết thúc thời gian thí điểm chỉ 01 đơn vị đã sử dụng dán tem chỉ dẫn địa lý trên sản phẩm (*Công ty WesternFarm*), đơn vị còn lại chưa thực hiện do chưa có xoài cung cấp ra thị trường.

Sự thành công trong việc xác lập quyền (*bảo hộ*) chỉ dẫn địa lý Cao Lãnh cho sản phẩm xoài là một bước ngoặt quan trọng, khẳng định danh tiếng và chất lượng nội trội của sản phẩm xoài có nguồn gốc xuất xứ từ huyện Cao Lãnh và tp.Cao Lãnh; từ đó giúp nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu sang Mỹ, Nhật, Dubai; phần lớn còn lại cung ứng cho các doanh nghiệp ngoài tỉnh xuất khẩu và các doanh nghiệp, nhà vừa trong tỉnh chế biến, tiêu thụ tại các chợ đầu mối thành phố Hồ Chí Minh và xuất tiểu ngạch sang thị trường Trung Quốc. riêng tại thị trường trong nước đã vào các hệ thống như Co.opmart, Big C, MM Mega market, Vinmart và hệ thống thương mại điện tử như Voso, Postmart.

- Trong năm 2021, có thêm 04 sản phẩm xoài được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao. Luỹ kế đến nay, toàn tỉnh đã có 10 sản phẩm OCOP từ xoài (*trong đó có 04 sản phẩm đạt 4 sao*).

¹⁰ Công ty TNHH Long Uyên, Công ty TNHH XNK Chánh Thu, Công ty TNHH Hoàng Phát Fruit, Công ty TNHH Good Life, Công ty TNHH Công nghệ thực phẩm Việt Đức,...

¹¹ Quyết định số 236/QĐ-SNN ngày 25/5/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Quyết định số 237/QĐ-SNN ngày 25/5/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Quyết định số 238/QĐ-SNN ngày 25/5/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT

¹² Trao quyết định chọn đơn vị thí điểm và bàn giao 3.000 tem, 200 thùng mang chỉ dẫn địa lý xoài Cao Lãnh cho Hợp tác xã xoài Mỹ Xương và Công ty TNHH Westernfarm.

2.3 Ngành hàng hoa kiểng

- GTSX hoa kiểng năm 2021 ước đạt 5.527,2 tỷ đồng (*tăng 18,7% so với cùng kỳ, tương đương 870,7 tỷ đồng*), chiếm 12,12% tỷ trọng của ngành nông nghiệp, đã tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh gắn với du lịch.

- Trong năm 2021, không thành lập mới HTX, lũy kế đến nay đã thành lập 05 HTX, 29 THT, 10 Hội quán tạo được sự kết nối giữa nông dân và doanh nghiệp, gắn với phát triển du lịch, đặc biệt mô hình du lịch trải nghiệm tại Làng hoa Sa Đéc.

- Tiếp tục giữ vị trí là vùng chuyên canh hoa lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long với diện tích 3.092 ha gắn với phát triển du lịch¹³ đã thu hút đông đảo khách tham quan.

- Trung tâm ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao đã thực hiện thành công quy trình cây mô hoàn chỉnh đối với các loại hoa như: Đồng tiền, Hoa chuông, Cúc, Dạ yến thảo; tiếp tục nghiên cứu và đã thành công quy trình nhân giống một số giống khác như Cúc lá nhám, dạ yến thảo kép, cây Nhân hoa, Lan ý và hoa Cúc,... đã góp phần cung cấp cây giống cho làng hoa Sa Đéc và một số tỉnh bạn như Vĩnh Long, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Bến Tre, Tiền Giang, tp.Hồ Chí Minh,...

- Trong năm 2021, từ nguồn kinh phí khuyến nông Tỉnh và địa phương, đã thực hiện và hỗ trợ Làng hoa Sa Đéc hệ thống nhà màng, nhà lưới cho mỗi mô hình là 300 m² /hộ (*kinh phí từ 70-100 triệu đồng/mô hình*), giúp giảm chi phí sản xuất cho nông dân do tỷ lệ hao hụt cây con giảm, chỉ còn dưới 8%. Nhờ đó, người trồng chủ động xử lý ra hoa đúng thời điểm, cây được cách ly nên giảm được sâu bệnh, thuốc hóa học, mang lại sản phẩm chất lượng và chi phí sản xuất thấp.

- Công tác kêu gọi doanh nghiệp đầu tư, phát triển liên kết chuỗi ngành hàng: Công ty Cây xanh Công Minh đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại hoa kiểng Đồng Tháp đã tạo ra bước đi mới cho ngành hoa kiểng Đồng Tháp, dần tạo nên các mối liên kết bền vững giữa người sản xuất với doanh nghiệp, làm cho giá trị ngành hàng ngày càng được nâng lên.

- Công tác phát triển du lịch trải nghiệm: Lũy kế đến nay, có 03 điểm du lịch trải nghiệm hoa kiểng được công nhận OCOP 3 sao¹⁴.

2.4 Ngành hàng cá tra

- GTSX ngành hàng cá tra năm 2021, ước đạt 7.516,3 tỷ đồng (*tăng 1,3% so với cùng kỳ, tương đương 96,3 tỷ đồng*), chiếm 17,4% tỷ trọng của ngành nông nghiệp.

¹³ Như Homestay Ngôi nhà Hoa ếch, Homestay Phong-LeVent, Đài quan sát hoa, vườn hoa kiểng Hai Cao, Làng bột, Cánh đồng hoa hồng, Khu vui chơi giải trí Happy Land Hùng Thy, khu du lịch Hoa kiểng Sa Đéc, vườn hồng Tư Tôn,...

¹⁴ Năm 2020: như Ngôi Nhà Hoa Ếch, Vườn kiểng Ngọc Lan, Happy Land Hùng Thy

- Diện tích nuôi cá tra của tỉnh ước đạt 1.988 ha (*giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2020*), sản lượng đạt 461.120 tấn (*tăng 1,3% so với cùng kỳ*), năng suất bình quân 407 tấn/ha. Toàn tỉnh có 1.180 cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá tra, trong đó có 76 cơ sở sản xuất giống và 1.104 cơ sở ương dưỡng. Trong năm 2021, ước sản xuất được 19 tỷ cá tra bột, giảm 18,4% (*3,5 tỷ con so với năm 2020*) và 1,1 tỷ cá tra giống (*giảm 18,2% - 200 triệu con so với năm 2020*).

- Đến nay, toàn Tỉnh có 01 HTX, 04 Hội quán hoạt động sản xuất và dịch vụ phục vụ ngành hàng cá tra; có 22 doanh nghiệp tham gia nuôi cá tra thương phẩm với diện tích 994 ha (*chiếm 62% diện tích mặt nước nuôi cá tra*) và 175 hộ cá thể với diện tích 608 ha (*chiếm 38%*). Đa số các hộ cá thể thực hiện nuôi liên kết với các doanh nghiệp sản xuất thức ăn, doanh nghiệp chế biến như Công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia IDI, Công ty CP Vĩnh Hoàn, Công ty TNHH MTV CBTS Hoàng Long, ... với diện tích khoảng 499 ha (*chiếm 82%*) bằng nhiều hình thức khác nhau như nuôi gia công theo hệ số, đầu tư thức ăn và bao tiêu sản phẩm,...

Trên địa bàn Tỉnh hiện nay có 28 doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành chế biến cá tra với công suất thiết kế trên 500.000 tấn/năm, sản lượng năm 2021 là 274.729 tấn giảm 12,51% so 2020 (*sản lượng 2020 là 314.011 tấn*); kim ngạch xuất khẩu ước đạt 723,6 triệu USD, tăng 0,43% so với năm 2020, sản phẩm chế biến cá tra đã có mặt gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó Mỹ là thị trường lớn nhất với 29,6%, đứng thứ 2 là Trung Quốc với 25,9%, EU chiếm 8,1%, còn lại là các thị trường khác. Tại thị trường trong nước đã vào hệ thống phân phối hiện đại như Co.opmart, Bách Hóa Xanh, Vinmart, MM Mega Martket.

- Trong năm 2021, thực hiện cấp 18 giấy chứng nhận cơ sở nuôi cá tra thương phẩm đủ điều kiện an toàn thực phẩm với diện tích 74,14 ha (*05 cơ sở xếp loại A, 13 cơ sở xếp loại B*). Lũy kế đến nay, đã cấp 75 giấy chứng nhận cho 70 cơ sở với diện tích 614,49 ha (*19 cơ sở xếp loại A, 56 cơ sở xếp loại B*). Diện tích đang áp dụng và được chứng nhận các tiêu chuẩn nuôi cá tra thương phẩm là 669,66 ha, chiếm 41,8% diện tích nuôi cá tra toàn tỉnh¹⁵; có 03 cơ sở sản xuất giống cá tra áp dụng và được chứng nhận theo tiêu chuẩn BAP với diện tích 11,1 ha. Cấp 375 mã số nhận diện với diện tích mặt nước nuôi cá tra thương phẩm trên 1.608 ha.

- Trong năm 2021, có thêm 01 sản phẩm khô cá tra phi lê đạt chuẩn OCOP 3 sao. Lũy kế đến nay đã có 05 sản phẩm chế biến từ cá tra được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao.

2.5 Ngành hàng vịt

- GTSX ngành hàng Vịt năm 2021 ước đạt 710 tỷ đồng (*giảm 1,64% so với cùng kỳ, tương đương 11,9 tỷ đồng*), chiếm 1,7% tỷ trọng của ngành nông nghiệp.

¹⁵ Trong đó: VietGap 403,27 ha; GlobalGAP 12,02 ha; ASC 123,48 ha; BAP 27,06 ha; ASC và GlobalGAP 31,64 ha; ASC và BAP 60,87 ha; GlobalGAP và BAP 10,74 ha.

- Tổng đàn vịt đạt 7,0 triệu con, sản lượng thịt hơi đạt 7,4 ngàn tấn; sản lượng trứng vịt đạt 313,8 triệu quả. Tiếp tục phát triển nuôi vịt hướng trứng theo hình thức chạy đồng để tận dụng nguồn thức ăn sẵn có, phụ phẩm nông nghiệp, thức ăn rơi vãi ngoài đồng ruộng, tiết kiệm chi phí thức ăn chăn nuôi.

- Trong năm 2021, tỉnh vẫn duy trì 04 Tổ hợp tác chăn nuôi vịt (*giảm 01 THT so với năm 2020 do hoạt động không hiệu quả*), với 36 thành viên, tổng đàn 101 ngàn con, sản lượng trứng vịt đạt khoảng 70.000 trứng/ngày.

- Tỉnh đã và đang tiếp tục xây dựng, củng cố các chuỗi liên kết cung ứng - sản xuất nuôi rọ - tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên do giá cả thị trường không ổn định, giá bán thấp hơn giá thành sản xuất, thua lỗ nên người dân quay sang hình thức chạy đồng, dẫn đến việc liên kết không bền vững. Mặt khác, do chưa tạo lòng tin giữa doanh nghiệp và người dân; giữa những người dân tham gia sản xuất, vẫn còn một số hộ chăn nuôi không tuân thủ thỏa thuận đã ký kết, khi giá cả thay đổi, làm cho các mối liên kết này bị đứt gãy trong những năm gần đây.

2.6 Một số ngành hàng tiềm năng tại các địa phương (*Theo Phụ lục 2 đính kèm*)

2.7 Một số mô hình sản xuất hiệu quả trong năm (*Theo Phụ lục 3 đính kèm*)

2.8 Tái cơ cấu trong lĩnh vực lâm nghiệp

- GTSX ngành lâm nghiệp năm 2021 ước đạt 439 tỷ đồng, giảm 0,84% so với cùng kỳ, tương đương 3,7 tỷ đồng (*theo giá so sánh 2010*).

- Diện tích đất có rừng trên địa bàn tỉnh là 6.168,29 ha gồm rừng đặc dụng 2.748,71 ha (*chiếm 44,56%*); rừng phòng hộ 1.028,53 ha (*chiếm 16,67%*); rừng sản xuất 2.337,27 ha (*chiếm 37,89%*); rừng trồng ngoài quy hoạch 53,78 ha (*chiếm 0,88%*). Tỷ lệ che phủ rừng là 1,65%.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng được các chủ rừng triển khai thực hiện theo quy định. Các đơn vị chủ rừng thường xuyên phối hợp với lực lượng dân quân tự vệ địa phương, công an xã tổ chức các lượt tuần tra, bảo vệ rừng nhằm ngăn chặn các hành vi xâm nhập, khai thác trái phép tài nguyên rừng, sử dụng lửa bất cẩn gây cháy rừng, đặc biệt vào các tháng mùa khô có nguy cơ cháy rừng cao.

- Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được các đơn vị quản lý rừng triển khai thực hiện theo phương án được phê duyệt, đảm bảo công tác chữa cháy rừng được triển khai nhanh, kịp thời, hiệu quả, hạn chế thiệt hại khi xảy ra cháy rừng. Trong năm, đã xảy ra 02 vụ cháy rừng, tổng diện tích cháy là 0,78 ha. Các vụ cháy đều được phát hiện sớm và tổ chức chữa cháy kịp thời theo phương châm bốn tại chỗ, thiệt hại không đáng kể.

- Từ đầu năm đến nay, diện tích rừng khai thác là 66,15 ha; diện tích rừng trồng lại sau khai thác là 52 ha. Để nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, các chủ rừng sản xuất đầu tư lên liếp trồng rừng thâm canh, thay đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng các biện pháp chăm sóc, tỉa thưa tạo điều kiện để cây rừng sinh trưởng,

phát triển nhanh, rút ngắn chu kỳ khai thác; hệ thống mương, rãnh dưới tán rừng là môi trường thuận lợi cho các loài thủy sản sinh sống, góp phần tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp.

2.9 Tái cơ cấu trong lĩnh vực thủy lợi

- Để kịp thời triển khai “Chương trình phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025”, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021.

Trong năm 2021, từ nguồn vốn thủy lợi phí và vốn hỗ trợ phát triển đất trồng lúa đã duy tu, sửa chữa, nâng cấp 514 công trình thủy lợi, với tổng mức đầu tư 887,3 tỷ đồng nhằm đảm bảo phục vụ sản xuất và đi lại cho bà con nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh.

- Để bảo đảm khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người. Đến nay, tỷ lệ hộ dân đô thị được cung cấp nước sạch năm 2021 đạt 99%; Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch ước thực hiện cả năm đạt 86%.

- Công tác di dời dân chịu ảnh hưởng thiên tai, nhất là sạt lở bờ sông đến nơi an toàn, ở ổn định được chú trọng thực hiện. Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học để cảnh báo sớm cho địa phương chủ động ứng phó có hiệu quả, giảm thiệt hại¹⁶, đưa vào sử dụng kết quả Dự án đo đạc, giám sát đánh giá ổn định bờ sông Tiền và thiết lập hành lang sạt lở tại khu vực đông dân cư và cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Từ đó, đã xây dựng được phương án ứng phó thiên tai đối với các loại hình thiên tai chính như dông lốc, sấm sét, sạt lở bờ sông, bão, áp thấp nhiệt đới và lũ, mưa lớn,...

3. Chuyển đổi số ngành nông nghiệp

- Từ đầu năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp đơn vị liên quan xây dựng bản thử nghiệm (demo) hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp, với mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, nâng cao năng lực công tác thống kê, dự báo thông tin sản xuất, thị trường, công khai về sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ và chính sách phục vụ sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp. Đồng thời, hệ thống dữ liệu này giúp quản lý, giám sát vùng canh tác, đất đai - thổ nhưỡng, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, tình hình dịch hại, cảnh báo lũ, quản lý thủy lợi, hệ thống cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, chỉ dẫn địa lý của ngành Nông nghiệp...

- Áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản (QR Code) tại các vùng sản xuất địa phương¹⁷.

¹⁶ Thực hiện Quyết định số 1493/QĐ-UBND.HC ngày 28/9/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh

¹⁷ Phối hợp Công ty TNHH nông sản Chú Chín xác nhận chuỗi sản phẩm xoài an toàn, truy xuất nguồn gốc sản phẩm qua hồ sơ, đồng thời hướng dẫn áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm qua QR Code và liên

- Theo dõi hệ thống giám sát sâu rầy thông minh (*11 bẫy*) phục vụ công tác dự tính, dự báo sâu rầy trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp¹⁸.

4. Về kết quả thực hiện các giải pháp

4.1. Triển khai các chính sách hỗ trợ tái cơ cấu nông nghiệp

4.1.1 Chính sách tích tụ tập trung đất đai, hỗ trợ cơ giới hóa và cho vay phát triển các ngành hàng tiềm năng theo Nghị quyết 138/2017/NQ-HĐND ngày 23/7/2017 của HĐND Tỉnh

- Về chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai được thí điểm áp dụng trong lĩnh vực trồng lúa, trồng cây ăn trái, cơ giới hóa trong SXNN: Tổng kinh phí đăng ký hỗ trợ trong năm 2021 là 2.979.937.668 đồng với diện tích là 548,82 ha (*trong đó, diện tích thuê trồng lúa: 521,4 ha/2.200 ha, đạt 23,70% chỉ tiêu Nghị quyết; diện tích thuê trồng cây ăn trái: 27,42 ha/300 ha, đạt 9,14% chỉ tiêu Nghị quyết*).

- Về chính sách hỗ trợ cho vay phát triển một số ngành hàng nông nghiệp tiềm năng: Thực hiện hỗ trợ 20 hồ sơ vay vốn với tổng kinh phí là 7.460 triệu đồng. Ngoài ra, hiện tại có 18 hồ sơ đề nghị hỗ trợ với tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ là 7.500 triệu đồng.

Qua thực tế triển khai cho thấy, Nghị quyết chưa có tác động lớn đến việc tích tụ tập trung đất đai mới, sản xuất với quy mô lớn, nâng cao chất lượng, giá trị nông sản, tạo sự cạnh tranh trên thị trường gắn với liên kết tiêu thụ và phát triển bền vững. Vì tất cả hộ thuê đất không san phẳng đồng ruộng, phá bỏ bờ đê, tạo vùng sản xuất liên canh quy mô lớn, không làm thay đổi quy trình canh tác, tập quán sản xuất, để nâng cao chất lượng và tạo sự cạnh tranh của nông sản.

Số tiền hỗ trợ từ Nghị quyết cho chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai không nhằm mục đích đầu tư máy móc, thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ cho sản xuất với quy mô lớn, chỉ góp phần thêm lợi nhuận cho người thuê đất. Qua khảo sát một số địa phương không đồng tình với việc hỗ trợ kinh phí trực tiếp như hiện nay (*thay thế bằng hình thức khác để thúc đẩy ứng dụng công nghệ, nâng chất lượng nông sản, cải thiện kết cấu hạ tầng...*).

kết tiêu thụ với diện tích 10 ha (9 hộ nông dân tham gia) tại xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh; phối hợp Công Ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ xây dựng vùng sản xuất chanh không hạt áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang EU (diện tích triển khai thực hiện ban đầu 24,6 ha tại xã Mỹ Long, Mỹ Hiệp, Mỹ Hội, Bình Thạnh của huyện Cao Lãnh và khảo sát mở rộng diện tích liên kết sản xuất tiêu thụ tại huyện Thanh Bình, Lai Vung với diện tích tăng lên 79,6 ha); thực hiện truy xuất nguồn gốc bằng mã QR Code đối với sản phẩm gạo (diện tích sản xuất 30,2 ha). Trong đó, 10 ha tại xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự được Cơ sở sản xuất kinh doanh gạo Huỳnh Kiểm xay xát và 20,2 ha tại xã Phú Lợi, huyện Thanh được Công ty TNHH Phương Minh Đồng Tháp chế biến đóng gói, dán tem QR Code truy xuất nguồn gốc sản phẩm gạo.

¹⁸ Vận hành hoàn toàn tự động và có khả năng nhận dạng, chụp ảnh 70 đối tượng côn trùng khác nhau với độ chính xác >95%, do đó người dân có thể thông qua hình ảnh được chụp lại từ hệ thống để học cách nhận dạng đối tượng sâu rầy trên đồng ruộng bằng việc tải và cài đặt ứng dụng MEKONG trên điện thoại thông minh (smartphone) để xem số liệu hoặc hình ảnh; dữ liệu theo dõi côn trùng sắp xếp dễ dàng truy xuất: Dạng excel (dương lịch, âm lịch), dạng biểu biểu đồ (dương lịch, âm lịch), để thống kê quy luật từng đối tượng dịch hại để thực hiện công tác dự tính dự báo trên lúa.

4.1.2 Thực hiện Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn toàn tỉnh chưa có địa phương nào có hồ sơ dự án/ phương án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đăng ký hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh. Với một số lý do sau:

- Các bên tham gia liên kết khó đáp ứng điều kiện về thời gian liên kết ổn định tối thiểu của chính sách đề ra (cụ thể: tối thiểu 05 năm đối với xoài, nhãn, cây có múi, bò và tối thiểu 03 năm đối với lúa, rau sạch chuyên canh, nấm rom sạch, sen, hoa kiểng, vịt, heo, cá tra giống, cá sặc rằn, cá điêu hồng, cá lóc).

- Các địa phương thiếu quan tâm trong công tác tuyên truyền, triển khai chính sách. Phần lớn các địa phương không xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết trên địa bàn¹⁹.

- Quy trình, thủ tục thực hiện hỗ trợ rườm rà, phức tạp. Trong khi, cùng nội dung hỗ trợ của một số chính sách hỗ trợ tương tự như Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND thì thủ tục đơn giản hơn rất nhiều²⁰. Bên cạnh đó, định mức hỗ trợ của các chính sách có cùng nội dung hỗ trợ thì khác nhau, không thống nhất với nhau, cụ thể: Hỗ trợ kết cấu hạ tầng theo Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND (cũng như Nghị định 98/2018/NĐ-CP) thì nhà nước hỗ trợ 30% kinh phí, trong khi Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ mới ban hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100%²¹. Từ đó, dẫn đến khó triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ trong thực tế.

- Đặc biệt, hiện nay không có nguồn kinh phí riêng để thực hiện chính sách, chủ yếu là kinh phí lồng ghép. Song, dự án liên kết lại thực hiện theo giai đoạn 03 đến 05 năm; tương ứng với từng nội dung hỗ trợ là quy định chi, hình thức chi và nguồn vốn chi khác nhau; nên quá trình đăng ký phân bổ vốn từng năm cũng như khâu giải ngân kinh phí hỗ trợ gặp rất nhiều khó khăn.

4.1.3 Về thực hiện chính sách hỗ trợ lao động trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng làm việc có thời hạn ở HTX Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Nghị quyết 399/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 176/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chính sách hỗ trợ lao động trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng làm việc có thời hạn ở Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2018 - 2020, năm 2021, phê duyệt

¹⁹ Theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 28/10/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh (trừ huyện Châu Thành, Tân Hồng và Tháp Mười có ban hành Kế hoạch, huyện Lai Vung và huyện Hồng Ngự có ban hành văn bản triển khai Kế hoạch số 242/KH-UBND).

²⁰ Cụ thể như Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về ban hành quy định, nội dung, mức chi đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

²¹ Theo đề xuất thực hiện trên địa bàn Tỉnh là nhà nước hỗ trợ 80%; HTX đối ứng 20%.

danh sách 43 HTXNN được hỗ trợ lao động về làm việc tại HTXNN trên địa bàn Tỉnh, với kinh phí hỗ trợ là 1.251,59 triệu đồng²².

Chính sách ban hành nhằm tăng cường nguồn lực tri thức cho các HTXNN hiện nay, góp phần nâng cao trình độ trong bộ máy của HTX khắc phục những hạn chế, yếu kém trong hoạt động của các HTX. Cơ chế ưu tiên hỗ trợ lao động từ con em thành viên HTX, sống ở địa phương, khuyến khích nâng cao trình độ góp phần cho lực lượng kế thừa trong bộ máy HTX trong thời gian tới.

Tuy nhiên, việc tìm kiếm lao động có trình độ về làm việc cho các HTX gặp nhiều khó khăn, điển hình năm 2021 chỉ có 43/79 lao động HTX đủ điều kiện tiêu chuẩn thuê mướn. Bên cạnh đó, phần lớn các HTX có quy mô nhỏ nên chưa có các chế độ, chính sách hỗ trợ thêm cho lao động để khuyến khích lao động gắn bó lâu dài với HTX; đa phần các HTX chưa có trụ sở làm việc làm ảnh hưởng đến quá trình làm việc của lao động. Lao động hỗ trợ cho các HTX hầu hết là sinh viên mới ra trường, chưa có kinh nghiệm trong quản lý điều hành HTX, cũng như kiến thức và sự am hiểu về lĩnh vực kinh tế tập thể, HTX.

4.1.4 Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp, HTX theo Quyết định 52/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016:

Trong năm đã hỗ trợ cho 10 Doanh nghiệp, HTX quảng bá nhãn hiệu, thương hiệu, sản phẩm và hỗ trợ xây dựng các cửa hàng bán nông sản, thực phẩm an toàn trong Tỉnh với kinh phí 150 triệu đồng. Chính sách đã hỗ trợ cho các doanh nghiệp, HTX trong phát triển sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh hàng hóa, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm, mở rộng thị trường, kết nối tiêu thụ hàng hóa như đầu tư, cải tiến trang thiết bị, quy trình sản xuất, phát triển nhãn hiệu, bao bì sản phẩm, xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm, quảng bá nhãn hiệu, thương hiệu, tham gia hội chợ, hội nghị giao thương, kết nối cung cầu,...

4.1.5 Triển khai thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh. Trong năm 2021, đã tiếp nhận và hỗ trợ cho 43 tổ chức/cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc đăng ký mã số mã vạch, bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký kiểu dáng công nghiệp ngoài nước, ISO 22000 và HACCP, với tổng kinh phí trên 250.540.000 đồng.

Ngoài ra, phối hợp các sở, ngành Tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh phân khai chi tiết kế hoạch vốn ngân sách tỉnh thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, vốn khuyến nông để tổ chức đào tạo, tập huấn cho HTX, Hội quán, nông dân, nâng cao năng lực cho các bộ chuyên môn các cấp, các ngành; triển khai, nhân rộng các mô hình trong nông nghiệp để góp phần tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

²² Công văn số 424/UBND-KT - 15/06/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh

4.2. Tổ chức lại sản xuất, thu hút đầu tư vào nông nghiệp

- Trong năm 2021, đã tổ chức Hội nghị thành lập mới 04 HTX (*chưa được cấp giấy chứng nhận*). Lũy kế đến nay toàn tỉnh có 182 hợp tác xã nông nghiệp (trong đó, có 27 HTXNN được thành lập từ 28 mô hình Hội quán), 931 tổ hợp tác nông nghiệp và 30 trang trại hoạt động theo quy định tại Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tính từ đầu năm đến nay đã thành lập mới 05 Hội quán²³, lũy kế toàn tỉnh có 115 Hội quán với 6.084 thành viên.

Trong năm, nhiều HTX đã chủ động liên kết với các doanh nghiệp để cung ứng vật tư đầu vào và liên kết tiêu thụ nông sản ổn định cho thành viên HTX; từ đó để giúp cho thành viên giảm chi phí sản xuất, tăng thêm thu nhập. Tham gia tích cực vào thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đặc biệt 05 ngành hàng chủ lực của Tỉnh. Một số HTX mạnh dạn triển khai những mô hình mới, áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để tạo ra những sản phẩm giá trị là hướng đi mới trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Hiện nay, nhiều mô hình thông minh, hiện đại đang dần hình thành như cánh đồng thông minh, công nghệ cao trong sản xuất lúa gạo, cây ăn trái, hoa kiểng, rau màu,... mang lại hiệu quả tích cực, đưa nông nghiệp của tỉnh lên tầm cao mới trên hành trình tái cơ cấu nông nghiệp.

- Để tạo lập môi trường cạnh tranh thuận lợi và bình đẳng trong đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, các sở, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai có hiệu quả Kế hoạch Cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh Đồng Tháp năm 2021 tại Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 01/6/2021. Tính đến ngày 30/11/2021, đã thu hút 19 dự án được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký là 3.340 tỷ đồng, trong đó, có 03 dự án FDI với tổng vốn đầu tư là 858,6 tỷ đồng (*so với cùng kỳ năm 2020 là 21 dự án, tổng vốn đầu tư 1.963 tỷ đồng, trong đó, có 03 dự án FDI với tổng vốn đầu tư là 1.045,2 tỷ đồng*). Có 09 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn với tổng vốn đầu tư 1.665 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong bối cảnh khó khăn của dịch Covid-19, vẫn duy trì tương tác với doanh nghiệp và nhà đầu tư, xúc tiến triển khai các nội dung Biên bản thỏa thuận hợp tác trong nông nghiệp với các Tập đoàn (*Vina T&T, Novaland, Tập đoàn Quế Lâm,...*). Giới thiệu tiềm năng đến các nhà đầu tư (*Tập đoàn Sao Mai, Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam, Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masterise, Công ty CP Đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Phát Đạt...*), tổng lãnh sự quán các nước (*Úc, Nhật Bản, Pháp,...*) đến làm việc, tìm hiểu để cùng hợp tác trên các lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh về nông nghiệp của tỉnh.

- Đối với dự án phi công trình, trong năm 2021:

²³ 05 Hội quán gồm: Thuận Kiều Hội quán, xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười; Tân Hưng Hội quán, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò; Tân Phong Hội quán, xã An Phong, Phú Lợi Hội quán, xã Phú Lợi và Tân Phú Hội quán xã Tân Phú thuộc huyện Thanh Bình.

+ Phối hợp tổ chức Rikolto International tại Việt Nam (*Rikolto*) thực hiện Dự án “Xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo bền vững và bao trùm cho nông hộ nhỏ tại tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2018 - 2021”, nhằm tạo điều kiện cho các Hợp tác xã Nông nghiệp được tập huấn chuyên môn, hỗ trợ dụng cụ bảo hộ lao động, xây dựng các mô hình sản xuất mẫu, thay đổi tập quán canh tác sản xuất theo hướng an toàn (SRP).

+ Dự án “Phát triển Nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh Đồng Tháp, từ tháng 5/2019 đến tháng 3/2022” do Tổ chức Seed to Table tài trợ giai đoạn 1, nhằm hỗ trợ, đào tạo kiến thức về sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

+ Dự án hướng tới tương lai tốt đẹp hơn nhằm phát triển chuỗi giá trị có tăng cường ứng dụng kỹ thuật số và có khả năng ứng phó chú trọng tới phụ nữ và thanh niên tại Việt Nam, do UNIDO tài trợ dưới hình thức phi dự án (*không đối ứng*) và IFAD đồng tài trợ dưới hình thức dự án (*có đối ứng*).

+ Đang đề nghị Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện lập Kế hoạch tổng thể Dự án khu vực “Các Trung tâm đổi mới Sáng tạo Xanh” (GIC) từ vốn ODA của Chính phủ CHLB Đức.

4.3 Phát triển chế biến nông sản theo chuỗi ngành hàng và định hướng thị trường đã góp phần quan trọng trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Trong năm 2021, nhiều dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông sản đang phát triển ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế; phát triển nhiều dòng sản phẩm mới phù hợp với xu thế của thị trường xuất phát từ nguồn nông sản địa phương được người tiêu dùng đón nhận²⁴, trong đó, ghi nhận nhiều dự án mới ứng dụng công nghệ trong sản xuất²⁵; hơn 100 sản phẩm khởi nghiệp từ lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông sản tham gia đánh giá, xếp hạng Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021.

Các doanh nghiệp khởi nghiệp từng bước áp dụng hiệu quả các giải pháp chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất kinh doanh: ứng dụng truy xuất nguồn gốc vào sản xuất nông nghiệp; các sản phẩm nông sản, đặc sản Đồng Tháp có mặt

²⁴ Dự án ứng dụng thiết bị bay không người lái để phun thuốc bảo vệ thực vật của Lâm Trọng Nghĩa; Công ty CP XNK Khánh Thu với các sản phẩm mới như nước giải khát Dextox, sữa sen đông lon; Công ty TNHH Tây Cát mở rộng sản xuất các sản phẩm khô từ gạo (bánh canh ống, bún khô, bún tươi từ khoai lang, rau củ,...); Công ty TNHH Ecolotus Việt Nam (trước đây là Công ty Khởi Minh Thành Công) cho ra đời nhiều sản phẩm tiện dụng từ sen như túi lá sen, giỏ quà lá sen; các sản phẩm từ trái cây sấy của Công ty TNHH Quang Vinh Food, tinh dầu của Công ty TNHH MTV Hương Đồng Tháp,...

²⁵ Trồng rau má thủy canh của Anh Võ Thanh Beo - Công ty TNHH BC Vũ Long (huyện Cao Lãnh); Sản xuất và kinh doanh cây giống cây mô của Chị Nguyễn Phượng Hằng – Công ty TNHH Công nghệ sinh học HF (huyện Lấp Vò), Mô hình sinh kế bền vững của nông dân Huỳnh Văn Kiêm (huyện Hồng Ngự), Sản xuất nấm vân chi đỏ từ phụ phế phẩm nông nghiệp của TS Trần Đức Tường – Giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp, Nuôi cá linh – tôm càng xanh trên ruộng lúa của Anh Bùi Trí Nhân (TP Hồng Ngự) ; ngoài ra, nhiều mô hình khởi nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi của các bạn đoàn viên, thanh niên trên địa bàn Tỉnh: nuôi dê nhốt chuồng, nuôi thỏ, vườn trồng – ao nuôi,...

rộng rãi trên các kênh thương mại điện tử: Voso, Postmart, Shopee, Lazada, Voso,... Năm 2021, ghi nhận sự ra đời của Hợp tác xã Đặc sản Đồng Tháp, đây là mô hình hợp tác xã mới với mục tiêu kết nối các doanh nghiệp khởi nghiệp sản xuất và kinh doanh đặc sản, góp phần giới thiệu, quảng bá các sản phẩm Đất Sen hồng, hỗ trợ tiêu thụ các mặt hàng nông sản của Tỉnh.

Xây dựng các mối liên kết tiêu thụ nông sản cho các hợp tác xã, người dân thông qua các thương lái thu mua, doanh nghiệp, nhà phân phối hiện đại để tiêu thụ tại các chợ, hệ thống siêu thị trong và ngoài tỉnh. Ngoài các kênh tiêu thụ truyền thống, các sở, ngành Tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia kinh doanh qua sàn thương mại điện tử, thực hiện hướng dẫn truy xuất nguồn gốc sản phẩm qua các ứng dụng điện tử. Đã có hơn 60 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất được hỗ trợ giới thiệu, mua bán trên các trang thương mại điện tử và có 20 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất với 75 sản phẩm được tạo dữ liệu và in mã QR truy xuất nguồn gốc.

4.4. Về nghiên cứu khoa học và khuyến nông

Năm 2021, đã triển khai thực hiện 40²⁶ nhiệm vụ khoa học và công nghệ²⁷, trong đó có 21 nhiệm vụ góp phần thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp (gồm 16 nhiệm vụ cấp tỉnh và 05 nhiệm vụ cấp cơ sở), cụ thể như sau:

- Về lĩnh vực trồng trọt: Có 12 nhiệm vụ được triển khai thực hiện (01 nhiệm vụ cấp bộ, 01 nhiệm vụ thuộc Chương trình phối hợp, 07 nhiệm vụ cấp tỉnh và 03 nhiệm vụ cấp cơ sở), các nhiệm vụ này tập trung vào một số loại cây trồng chủ lực của địa phương như: cây mè, khoai môn, cây xoài, kiệu, cây lúa, cây chanh, hoa kiểng và cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Trong đó, có 02 nhiệm vụ cấp cơ sở²⁸ đã được Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu thông qua và đã được chuyển giao ứng dụng; 02 nhiệm vụ cấp tỉnh²⁹ dự kiến sẽ được nghiệm thu trong tháng 12/2021 và 08 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện.

- Về lĩnh vực thủy sản: Có 03 nhiệm vụ được triển khai thực hiện (02 nhiệm vụ cấp tỉnh và 01 nhiệm vụ cấp cơ sở), các nghiên cứu này được thực hiện trên các đối tượng như: cá sặc rằn, cá tra và trai đen cánh dày lấy ngọc. Trong đó, có 01 nhiệm vụ

²⁶gồm: 28 nhiệm vụ chuyển tiếp từ các năm trước sang và 12 nhiệm vụ được ký hợp đồng triển khai thực hiện trong năm 2021.

²⁷ Nhiệm vụ KH&CN gồm: đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, đề án khoa học và công nghệ

²⁸ Đề tài KH&CN cấp cơ sở: “Xây dựng biện pháp kiểm soát bệnh héo xanh do vi khuẩn (*Ralstonia solanacearum*) trên hoa cúc và hoa vạn thọ bằng vi khuẩn vùng rễ tại thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp” và đề tài: “Nghiên cứu đề xuất định hướng bảo tồn, phát triển cây mận Hòa An, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp”

²⁹ Đề tài: “Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất thâm canh và sơ chế, bảo quản khoai môn đạt hiệu quả kinh tế cao tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp” và Dự án sản xuất thử nghiệm: “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất mè luân canh trên nền đất lúa gắn với tiêu thụ tại tỉnh Đồng Tháp”.

vụ³⁰ đã được Hội đồng tư vấn nghiệm thu thông qua và 02 nhiệm vụ³¹ được ký hợp đồng triển khai thực từ năm 2021.

- Về công nghiệp chế biến, cơ giới hóa và phát triển thị trường: Có 06 nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện (gồm: 04 nhiệm vụ cấp tỉnh, 01 nhiệm vụ thuộc chương trình hợp tác và 01 nhiệm vụ cấp cơ sở), các nhiệm vụ này tập trung vào hệ thống phân loại xoài, phát triển hợp tác xã, hội quán, phát triển sản phẩm sen Đồng Tháp và trà hòa tan từ cây cỏ Bắc. Trong đó, có 01 nhiệm vụ³² đã được Hội đồng tư vấn nghiệm thu thông qua, 05 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện.

4.5 Đào tạo nghề và tạo việc làm cho nông dân

- Đối với công tác đào tạo nghề nông nghiệp, năm 2021 tổ chức được 20 lớp, nghiên cứu bổ sung 03 giáo trình nghề mới³³, các lao động sau đào tạo tự tạo việc làm là áp dụng vào thực tế sản xuất của hộ gia đình. Ngoài ra, còn tổ chức 01 lớp tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ phụ trách tham gia công tác đào tạo nghề nông nghiệp năm 2021.

- Phối hợp Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp tổ chức 04 lớp Tập huấn kiến thức chuyên sâu về kinh tế hợp tác cho công chức, viên chức ngành nông nghiệp và Chủ tịch (*Phó chủ tịch*) UBND các xã, phường, thị trấn. Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn còn chủ động tổ chức 01 lớp tập huấn về quản lý và phát triển hoạt động mô hình Hội quán, 01 lớp tập huấn Kỹ năng khai thác thông tin về sản xuất, thị trường trên Internet. Tổ chức 08 lớp triển khai các văn bản mới, cơ chế chính sách hỗ trợ liên quan đến kinh tế tập thể, trang trại cho Hội đồng quản trị các HTX NN, Hội quán, THT trên địa bàn Tỉnh. Qua đó, góp phần xây dựng đội ngũ nông dân lành nghề, chuyên nghiệp.

4.6 Thực hiện có hiệu quả việc chuyển dịch lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp

Tính đến tháng 12/2021, Tỉnh đã tổ chức được 28/30 phiên giao dịch việc làm, đạt 93,33% kế hoạch năm, có 346 doanh nghiệp tham dự (*trong đó có 186 doanh nghiệp tham gia trực tiếp và 160 doanh nghiệp tham gia trực tuyến*); có 6.549 lao động tham dự; trong đó có 1.781 lao động được giới thiệu việc làm. Có 30.632 lao động được giải quyết việc làm, đạt 102,1% so với chỉ tiêu kế hoạch năm; trong đó, có 1.211 lao động (*có 491 lao động nữ*) đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động (*mức thu nhập bình quân từ 15 - 27 triệu đồng/người/tháng*) và đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh. Sau thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động trở về đem

³⁰ Đề tài: “Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi sinh phục vụ xử lý môi trường vùng nuôi cá sặc rằn (*Trichogaster pectolus Ragan, 1909*) theo hướng phát triển bền vững và an toàn vệ sinh thực phẩm tại tỉnh Đồng Tháp

³¹ Đề tài cấp cơ sở: “Chuẩn hóa kỹ thuật LAMP phát hiện bệnh gan thận mũ trên cá tra tại tỉnh Đồng Tháp” và 01 Dự án SXTN cấp tỉnh: Xây dựng mô hình nuôi Trai đen cánh dày (*Sinohyriopsis cumingii* Lea, 1862) lấy ngọc tại Đồng Tháp

³² Đề tài cấp cơ sở: Nghiên cứu sản xuất trà hòa tan từ cỏ bắc *Leersia hexandra*

³³ Kỹ Thuật trồng mít theo hướng an toàn, kỹ thuật trồng khoai cao và kỹ thuật trồng kiệu.

theo tư duy lao động mới, thái độ làm việc mới, kỹ năng, ý thức kỷ luật trong lao động để về phát triển kinh tế gia đình, đi làm việc trong các doanh nghiệp tại địa phương hoặc sử dụng số tiền tích lũy được để thành lập doanh nghiệp, tạo việc làm cho mình, cho người khác. Từ đó, góp phần đưa cơ cấu lao động làm việc trong lĩnh vực Nông - lâm - thủy sản của tỉnh ước năm 2021, đạt 48,2%.

5. Đánh giá công tác liên kết vùng

Đã triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về phối hợp thực hiện các hoạt động theo Biên bản ghi nhớ giữa Trung tâm Nghiên cứu kinh doanh và Hỗ trợ doanh nghiệp (BSA) và các tỉnh ABCD trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2021, đã phối hợp với Trung tâm BSA tổ chức các khoá đào tạo nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp thu hút hơn 250 lượt học viên là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, dự án khởi nghiệp tham dự với các chuyên đề như: Kinh doanh trên mạng xã hội - tăng thương hiệu cho doanh nghiệp, sản phẩm; Hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm làm tiktok truyền thông thương hiệu, sản phẩm; Quản trị tài chính, quản lý vốn và tiền mặt đảm bảo hoạt động kinh doanh bền vững; Trade marketing - tiếp thị tại điểm bán - xây dựng kênh phân phối,...

Tham dự chuỗi hoạt động Mekong Connect 2021 tại thành phố Hồ Chí Minh, đây là cơ hội để giải quyết bài toán đầu ra cho nông, thủy sản, tạo điều kiện để hàng hóa nông sản được thông suốt trong tất cả các mắt xích từ thu hoạch - sơ chế - vận chuyển - chợ đầu mối/chế biến - phân phối - người tiêu dùng/xuất khẩu. Đồng thời, là cơ hội để chuỗi liên kết giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long cùng nhau nối lại và tiếp tục duy trì chuỗi cung ứng, sớm phục hồi kinh tế.

6. Đánh giá

6.1 Mặt được

Năm 2021, trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động bởi dịch bệnh Covid-19 làm sản lượng xuất khẩu ngành hàng chủ lực giảm, nhiều chuỗi cung ứng hàng hoá bị đứt gãy (*các nước hạn chế hoạt động giao thương, đóng cửa chợ đầu mối, giới hạn hoạt động chợ truyền thống phục vụ công tác chống dịch, ...*), thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Tỉnh (*hạn chế đi lại, không được tập trung đông người*) gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, thu hoạch, vận chuyển nông sản và áp lực tăng giá nguyên vật liệu đầu vào (*thức ăn chăn nuôi tăng 20-30%, phân bón tăng từ 50-100% so với đầu năm*),... đã ảnh hưởng trực tiếp và sâu rộng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn của Tỉnh. Nhưng với nỗ lực của ngành nông nghiệp, sự đồng hành của các sở, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, thương lái và sự hưởng ứng của người sản xuất trong việc tổ chức kết nối tiêu thụ hết lượng nông sản thu hoạch trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ và tổ chức khôi phục sản xuất trong và ngay sau khi dịch bệnh được kiểm soát đã góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm, thủy sản ước tăng 3,32% so thực hiện năm 2020.

Kiên trì với định hướng phát triển vùng sản xuất tập trung gắn liền kết chuỗi giá trị, chuyển dịch cơ cấu cây trồng sang đối tượng cho thu nhập cao gắn nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển đồng bộ hạ tầng sản xuất gắn với ứng dụng công nghệ cao, giảm giá thành sản xuất,...

6.2 Hạn chế chung và nguyên nhân

- Đã xây dựng được một số chuỗi giá trị hàng nông sản trên địa bàn Tỉnh, nhưng vẫn rất ít và phần lớn mới chỉ dừng ở khâu sản xuất và tiêu thụ trực tiếp, chưa có sự tham gia sâu của khâu chế biến, bảo quản, tăng các sản phẩm chế biến tinh và giá trị gia tăng; quy mô, phạm vi của liên kết còn nhỏ, hình thức liên kết còn giản đơn (*chủ yếu dừng lại ở hợp đồng mua bán nông sản*).

- Vẫn còn một số ít sở, ngành Tỉnh, địa phương chưa thực hiện đúng vai trò quản lý Nhà nước về Tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Từ đó, việc triển khai thực hiện vẫn chưa có sự kết nối, bám sát nhiệm vụ chung giữa các ngành, địa phương trong thực hiện Đề án.

- Công tác phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất được quan tâm thực hiện và phát huy hiệu quả (chú trọng phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất lúa, thủy sản). Tuy nhiên, hạ tầng phục vụ vùng sản xuất cây ăn trái và hoa màu còn yếu, thiếu và chưa đồng bộ là trở ngại trong chuyển đổi sản xuất và gián tiếp làm cho giá thành sản xuất còn cao.

- Công tác xúc tiến thương mại, dự báo thông tin thị trường để định hướng sản xuất chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến việc đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn.

- Hoạt động thu hút doanh nghiệp mạnh đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp chế biến nông sản chưa đạt mục tiêu kỳ vọng. Trong khi doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh không nhiều, năng lực chế biến, liên kết tiêu thụ bị hạn chế.

6.3 Hạn chế trong các ngành hàng chủ lực

a) Ngành hàng lúa gạo:

- Tỷ lệ sử dụng phân bón và thuốc BVTV hóa học còn khá cao, tỷ lệ áp dụng bón phân vùi, phân hữu cơ, thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học còn hạn chế, điều này tiềm ẩn nhiều nguy cơ lúa gạo chứa dư lượng thuốc BVTV vượt mức cho phép, ảnh hưởng lớn đến công tác xuất khẩu lúa gạo.

- Tỷ lệ diện tích áp dụng cơ giới hóa như: san phẳng mặt ruộng bằng tia laser, máy cấy, máy sạ hàng, sử dụng drone trong phun thuốc BVTV hay áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất an toàn, thực hành nông nghiệp tốt (GAP) vẫn còn thấp. Chưa có sự khác biệt rõ rệt giữa giá bán lúa được sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt và lúa được sản xuất theo kiểu truyền thống do đó chưa kích thích được nông dân thực hiện với quy mô lớn.

- Hệ thống cơ sở xay xát đồng bộ, kho bảo quản hiện đại đã được quan tâm đầu tư, phát triển nhưng tỷ lệ vẫn thấp, còn hạn chế.

- Việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp thông minh đặt ra yêu cầu phải đổi mới, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức, viên chức. Nâng cao trình độ quản lý, điều hành sản xuất của các doanh nghiệp, hợp tác xã và cần có thời gian thay đổi thói quen, tập quán, tư duy sản xuất nhỏ, theo lối truyền thống của người dân.

b) Ngành hàng xoài:

- Giống bản địa chưa khắc phục được những nhược điểm vỏ mỏng, thịt mềm, thời gian tồn trữ ngắn, khó khăn trong việc xuất khẩu sang các thị trường xa. Từ đó, chưa thu hút các doanh nghiệp chuyên nghiệp hóa về hệ thống logistic vận chuyển phù hợp với điều kiện sản xuất.

- Hầu hết các hộ trồng xoài có diện tích nhỏ, mỗi hộ có cách chăm sóc khác nhau là nguyên nhân dẫn đến chất lượng trái chưa đồng đều, hoàn thiện mô hình HTX có đủ năng lực, được các thành viên tin tưởng tham gia sản xuất theo 01 quy trình chung.

- Việc duy trì diện tích đạt GAP giảm liên tục hằng năm, do chi phí duy trì, tái chứng nhận cao, thời hạn của giấy chứng nhận ngắn, việc ghi chép nhật ký, tuân thủ thực hành theo tiêu chuẩn như vệ sinh vườn, thu gom bao bì thuốc BVTV, bố trí nơi chứa vật tư nông nghiệp, và các quy định về an toàn lao động cho người sản xuất... chưa được duy trì thường xuyên.

c) Ngành hàng hoa kiểng:

- Nhiều chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh được triển khai, tuy nhiên chưa có tác động lớn đến việc sản xuất hoa kiểng tập trung, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, chưa tạo được sự cạnh tranh trên thị trường gắn với liên kết tiêu thụ và phát triển bền vững.

- Việc dự báo nhu cầu thị trường tiêu thụ hoa kiểng còn hạn chế nên người dân cứ sản xuất chạy theo xu hướng thị trường, đôi lúc xảy ra tình trạng cung vượt cầu làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của người dân.

- Công tác giống vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành hoa kiểng. Nhiều giống vẫn phải nhập từ nơi khác nên thường gặp rủi ro về chất lượng. Mặc dù Trung tâm Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao được đầu tư cơ sở vật chất cho phòng nuôi cấy mô nhưng mới chỉ đáp ứng được khoảng 5 loài hoa chính trong vùng (đồng tiền, hoa chuông, cúc mini, dạ yến thảo, lan ý) còn việc phát triển những loài hoa mới chưa được chú trọng, phần lớn vẫn phải nhập hoặc người dân tự lai tạo.

- Các hộ trồng hoa chủ yếu tập trung vào hoa kiểng thời vụ nên rất dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động lớn về thị trường hoặc những biến cố lớn khác như đại dịch COVID-19.

- Tỷ lệ diện tích áp dụng cơ giới hóa như: áp dụng nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới thông minh tiết kiệm nước,... còn thấp. Nguyên nhân một phần là do

diện tích sản xuất nhỏ, sản xuất nhiều chủng loại trên cùng một diện tích nhưng quan trọng là chi phí đầu tư ban đầu khá cao một số hộ sản xuất không có khả năng đáp ứng.

d) Ngành hàng cá tra:

- Phần lớn hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ quá trình nuôi của các cơ sở nuôi nhỏ lẻ vẫn chưa đảm bảo điều kiện theo quy định (như thiếu hệ thống xử lý nước thải).

- Việc duy trì và áp dụng tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGap) của các cơ sở nuôi cá tra thương phẩm còn hạn chế do tâm lý người nuôi cho rằng chưa có sự khác biệt về giá bán cá tra nguyên liệu giữa cơ sở áp dụng và cơ sở không áp dụng tiêu chuẩn.

- Mặc dù các nhà máy chế biến đều có kho để bảo quản và lưu trữ hàng hóa, nhưng công suất thiết kế chưa đáp ứng nhu cầu dự trữ với số lượng lớn khi nhu cầu tăng lên (như do thị trường xuất khẩu không ổn định hoặc thời gian qua tình hình dịch bệnh Covid -19 xảy ra không thể xuất khẩu).

- Mối liên kết giữa các cơ sở sản xuất giống và vùng nuôi, doanh nghiệp nuôi cá tra thương phẩm còn thiếu chặt chẽ, vẫn chưa có sự đồng thuận chia sẻ về lợi ích giữ hai bên.

- Hiện nay, các doanh nghiệp chế biến chỉ hoạt động độc lập, chưa hình thành sự liên kết giữa các doanh nghiệp chế biến nhằm chia sẻ thị trường tiêu thụ, tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm, thiếu sự hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển bền vững ngành cá tra.

e) Ngành hàng vịt:

- Trên địa bàn tỉnh hiện chưa có trại vịt giống quy mô lớn chất lượng cao. Người dân sử dụng con giống thương phẩm tại địa phương để làm giống, dẫn đến chất lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu, không mang tính cạnh tranh cao.

- Người dân chăn nuôi nhỏ lẻ, nuôi chạy đồng chưa quan tâm nhiều đến việc xây dựng thương hiệu, chứng nhận sản phẩm sạch, VietGAP... nên mô hình nuôi nhốt đã hình thành nhưng không duy trì được.

- Chưa xây dựng được chuỗi liên kết bền vững trong ngành hàng vịt, nên tiềm năng và giá trị gia tăng của ngành hàng chưa được khai thác tối đa. Đồng thời, chưa có được doanh nghiệp lớn đầu tư, dẫn dắt ngành hàng trong nhiều năm nay.

III. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trong thời gian tới đạt được hiệu quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị một số nội dung sau:

1. Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Sớm thống nhất với Tổng cục Thống kê phương pháp tính toán thông kê giữa ngành nông nghiệp và các Cục thống kê địa phương; bổ sung chỉ tiêu thu nhập nông nghiệp vào trong chỉ tiêu thống kê địa phương hàng năm để làm cơ sở nghiên cứu, điều hành kinh tế nông nghiệp địa phương.

- Tổ chức rà soát hoặc lấy ý kiến khảo sát online đối với chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ) để tiến hành điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh hiện nay và tình hình triển khai thực tế tại các địa phương.

- Có hướng dẫn cụ thể cách thu thập, tính toán các tiêu chí và chỉ tiêu phân bổ theo từng vùng đối với Bộ Tiêu chí giám sát, đánh giá Tái cơ cấu ngành nông nghiệp (theo Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ) để các địa phương áp dụng thực hiện.

- Sớm ban hành khung pháp lý xử phạt nghiêm hành vi mạo danh mã vùng trồng, mã xưởng của doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong lĩnh vực truy suất nguồn gốc sản phẩm và quản lý mã vùng trồng, mã nhà đóng gói... Đồng thời, áp dụng truy xuất nguồn gốc vào quy trình sản xuất, trước tiên thí điểm thực hiện một số địa bàn sản xuất trọng điểm cung cấp nông sản, trái cây cho thành phố lớn và xuất khẩu.

- Sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định về cơ giới hóa toàn diện cấp vùng, kèm theo đó các chính sách khuyến khích đầu tư, nghiên cứu, chế tạo máy phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp cho các tỉnh, nhất là vùng Đồng Tháp Mười.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh:

- Chấp thuận chủ trương về cơ chế đối với vốn ngân sách Tỉnh bố trí triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp hàng năm được bố trí có mục tiêu cho các huyện, thành phố thực hiện thí điểm các mô hình cụ thể gắn với từng chuỗi ngành hàng chủ lực địa phương.

- Chỉ đạo các Sở, ngành Tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành để tăng cường vai trò là thành viên Ban chỉ đạo Tỉnh trong triển khai các nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chủ trì hoặc phối hợp với ngành nông nghiệp trong việc triển khai thực hiện kế hoạch, kết hợp với thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan trong từng ngành, lĩnh vực để từng bước hiện đại hoá nền nông nghiệp, xây dựng nhiều hơn nữa các chuỗi ngành hàng bền vững, đáp ứng yêu cầu chế biến và xuất khẩu.

- Chỉ đạo các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch tái cơ cấu các ngành hàng có tiềm năng tại địa phương (nhãn; quýt hồng; rau màu; chăn nuôi: vịt, heo, bò; thủy sản...), hình thành các vùng chuyên canh nông sản hàng hoá chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm, gắn với chỉ dẫn địa lý, mã vùng trồng và truy xuất nguồn gốc. Cần chủ động đề xuất, kiến nghị các sở, ngành Tỉnh có liên quan trong việc hỗ trợ về chuyên môn để triển

khai kế hoạch hoặc đề xuất lồng ghép vào các kế hoạch đầu tư trung hạn, ngắn hạn để triển khai có hiệu quả tái cơ cấu ngành hàng chủ lực./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- UBND Tỉnh;
- Ban GD Sở;
- Phòng KHTC;
- Các Đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VPĐP (TV)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phước Thiện

Phụ lục 1.1: KẾT QUẢ TÍNH TOÁN BỘ TIÊU CHÍ GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNN ngày tháng năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Tiêu chí số	Nội dung	Chỉ tiêu chung cả nước	Đơn vị tính	Ước năm 2021	Ghi chú
1	Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành nông lâm thủy sản	$\geq 2,5$	%/năm	3,32	Cục Thống kê Tỉnh
2	Tốc độ tăng giá trị gia tăng lĩnh vực trồng trọt	$\geq 1,8$	%/năm	(3,87)	Cục Thống kê Tỉnh
3	Tốc độ tăng giá trị gia tăng lĩnh vực chăn nuôi	$\geq 3,5$	%/năm	(9,54)	Cục Thống kê Tỉnh
4	Tốc độ tăng giá trị gia tăng lĩnh vực thủy sản	$\geq 3,3$	%/năm	4,60	Cục Thống kê Tỉnh
5	Tốc độ tăng giá trị gia tăng lĩnh vực lâm nghiệp	$\geq 4,5$	%/năm	4,29	Cục Thống kê Tỉnh
6	Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản	≥ 8	%/năm	2,45	Cục Thống kê Tỉnh
7	Tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản	≥ 7	%/năm	3,48	Cục Thống kê Tỉnh
8	Tỷ lệ giá trị sản phẩm Nông lâm thủy sản được sản xuất dưới hình thức liên kết và hợp tác	≥ 30	%	21,10	Cục Thống kê Tỉnh, Sở Nông nghiệp & PTNT
9	Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất theo quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương	≥ 25	%	14,00	Cục Thống kê, Sở Nông nghiệp & PTNT
10	Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông sản ứng dụng công nghệ cao	≥ 20	%	-	Không tính được do chưa thống kê
11	Tỷ lệ Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả	≥ 80	%	93,82	Sở Nông nghiệp & PTNT
12	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước	≥ 35	%	55,07	Cục Thống kê Tỉnh, Sở Nông nghiệp & PTNT
13	Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận	≥ 30	%	24,44	Sở Nông nghiệp & PTNT
14	Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo	≥ 55	%	51,44	Cục Thống kê Tỉnh, Sở Lao động Thương binh và xã hội, Sở Nông nghiệp & PTNT
15	Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi lợn trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch	≥ 70	%	51,60	Sở Nông nghiệp & PTNT

Phụ lục 1.2: GIÁ TRỊ SẢN XUẤT 05 NGÀNH HÀNG CHỦ LỰC
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNN ngày tháng năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Ước 2021
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh	%	2,22
2	Tốc độ tăng trưởng NLTS	%	3,32
3	Giá trị tăng thêm NLTS (giá SS 2010)	Triệu đồng	19.844.989
4	Giá trị SX Nông, Lâm, thủy sản (giá SS 2010)	Triệu đồng	45.610.088
5	Giá trị SX 5 ngành hàng TCC (giá SS 2010)	Triệu đồng	31.891.046
5.1	Lúa gạo		34,49%
	Giá trị SX theo giá so sánh 2010	Triệu đồng	15.731.008
	diện tích lúa cả năm	Ha	504.295
	Năng suất	Tạ/ha	65,93
	Sản lượng	Tấn	3.324.867
5.2	cá tra		17,37%
	Giá trị SX theo giá so sánh 2010	Triệu đồng	7.923.756
	diện tích	ha	2.100
	Năng suất	tấn/ha	231,49
	Sản lượng	Tấn	486.120
5.3	Xoài		4,27%
	Giá trị SX theo giá so sánh 2010	Triệu đồng	1.945.689
	diện tích	Ha	13.688
	diện tích cho sản phẩm	Ha	11.200
	Năng suất	Tạ/ha	120,15
	Sản lượng	Tấn	134.570
5.4	Hoa kiểng		12,12%
	Giá trị SX theo giá so sánh 2010	Triệu đồng	5.527.230
	diện tích	ha	2.939
	Năng suất		
	Sản lượng		
5.5	Vịt		1,67%
	Giá trị SX theo giá so sánh 2010	Triệu đồng	763.363
	tổng đàn	1000 con	3.600
	Sản lượng trứng	1000 quả	322.030
	Sản lượng thịt	Tấn	7.573

Phụ lục 2: TÁI CƠ CẤU MỘT SỐ NGÀNH HÀNG TIỀM NĂNG TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNN ngày tháng năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

*** Huyện Châu Thành**

a) Ngành hàng Nhãn

- Trên địa bàn huyện Châu Thành có 02 HTX và 7 THT chuyên sản xuất và kinh doanh nhãn, các HTX, THT thực hiện tốt việc tổ chức sản xuất, triển khai các dịch vụ kỹ thuật cung ứng vật tư, nguyên liệu đầu vào và liên kết tiêu thụ đầu ra nông sản cho thành viên. Tổng diện tích nhãn liên kết với các doanh nghiệp thông qua hợp đồng 926 ha/3.267 ha (*chiếm 28,34% tổng diện tích*).

- Đặc biệt là việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong canh tác, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, hơn 90% diện tích nhãn áp dụng hệ thống tưới thông minh, tự động; lắp đặt 01 hệ thống bẫy đèn thông minh phục vụ công tác dự báo sâu bệnh đối với vùng trồng nhãn.

- Thực hiện áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt có 145,69 ha (*chiếm 4,46% tổng diện tích*) gồm có 126,19 ha được chứng nhận VietGAP và có 19,5 ha diện tích được cấp chứng nhận GlocalGAP; có 315 ha được cấp mã số vùng trồng đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

- Nhãn Châu Thành đã xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Trung Quốc và các thị trường khó tính thông qua Công ty Xuất nhập khẩu Vina T&T, Công ty Chánh Thu, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu N&N Fruits, Công ty GreenBoo,... Đồng thời, liên kết cung cấp nhãn nguyên liệu cho Công ty TNHH MTV Huỳnh Thắng, chế biến các sản phẩm, nâng cao giá trị của nhãn như: nhãn sấy, nhãn đóng lon.

- Trong giai đoạn 2019 - 2021, đã có 03 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 03 sao gồm 01 nhãn tươi HTX An Hòa và 02 sản phẩm chế biến của công ty.

b) Ngành hàng Khoai lang

Đến nay, ngành hàng khoai lang đã hình thành vùng sản xuất tập trung với quy mô lớn, phát triển ổn định tại các xã Tân Phú, Hòa Tân và Phú Long - huyện Châu Thành. Diện tích gieo trồng hàng năm đạt 3.312 ha, chiếm 61% diện tích gieo trồng màu toàn Huyện (*trong đó: khoai lang tím nhật chiếm 85% diện tích*) tăng 10 ha so với cùng kỳ năm 2020, năng suất bình quân 30 tấn/ha, sản lượng đạt 99.360 tấn. Giá khoai lang năm 2021 biến động, do ảnh hưởng của dịch bệnh giá khoai lang tím nhật với giá 120.000-150.000 đồng/tạ, khoai trắng là 650.000 đồng/tạ, khoai sữa 400.000 đồng/tạ.

Hiện trên địa bàn Huyện thành lập được 02 Hợp tác xã hoạt động sản xuất và kinh doanh khoai lang, các thành viên hợp tác xã liên kết chặt chẽ trong sản xuất, tuy nhiên đầu ra chưa gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và phần lớn còn qua thương lái, mặc dù tỉnh, huyện đã hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại và kết nối tiêu thụ với doanh nghiệp nhưng vẫn chưa nhiều, do giữa doanh nghiệp và

hợp tác xã chưa thống nhất được các điều khoản mua bán. Đến nay, đã có sản phẩm khoai lang sấy của Công ty TNHH MTV Nam Huy Đồng Tháp được chứng nhận sản phẩm OCOP 4 sao.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp các ngành, hỗ trợ huyện xây dựng kế hoạch phát triển chuỗi liên kết ngành hàng khoai lang gắn với vùng sản xuất trọng điểm đến năm 2025.

* Huyện Thanh Bình

Ngành hàng Ớt

- Trên địa bàn huyện Thanh Bình, diện tích xuống giống 1.234 ha³⁴, năng suất trung bình 16 tấn/ha, sản lượng ước đạt 20.978 tấn.

- Giá thành sản xuất bình quân 13.000 đ/kg, giá bán bình quân 20.000 đồng/kg, lợi nhuận bình quân 7.000 đồng/kg (*trong tháng 11 và tháng 12/2021 giá ớt dao động từ 60.000 - 70.000 đồng/kg*).

- Ngành hàng ớt bước đầu đã sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn, VietGAP. Đã thực hiện cấp mã số vùng trồng trên sản phẩm Ớt với 13 mã vùng, với diện tích 183 ha.

- Hiện có trên 20 cơ sở, doanh nghiệp liên kết với nông dân tổ chức thu mua toàn bộ sản phẩm ớt trên địa bàn Huyện.

- Việc phát triển các sản phẩm chế biến, giá trị gia tăng từ ớt chưa đa dạng, tuy nhiên năm 2019, đã có 01 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 03 sao (*muối sấy Ngọc Yến*).

* Huyện Tháp Mười

a) Ngành hàng Sen

- Trên địa bàn huyện Tháp Mười, diện tích trồng sen 324,2 ha. Năng suất bình quân giảm so với cùng kỳ 3,21 tấn/ha, sản lượng 1.040,7 tấn.

- Giá thành sản xuất 12.889 đồng/kg, giá bán bình quân từ 12.000-15.000 đồng/kg (*so với năm 2020 giảm từ 500 - 3.000 đồng/kg*), sau khi trừ đi chi phí nông dân không có lãi. Nguyên nhân do dịch bệnh thán thư, thối thân, thối ngó xuất hiện nhiều nhưng chưa có biện pháp quản lý hiệu quả và giá cả biến động liên tục.

- Tuy diện tích gieo trồng giảm nhưng các sản phẩm từ sen ngày càng đa dạng, từ đó nâng cao giá trị của cây sen. Trong giai đoạn 2019 - 2021, đã có 25 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 03 sao và 17 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP

³⁴ **Cây ớt:** Năng suất Ớt vụ ĐX trung bình đạt 17.000 kg/ha; giá thành 13.000 đ/kg, giá bán trung bình 20.000 đ/kg; lợi nhuận 7.000đ/kg. Vụ TD năng suất trung bình 15.000 kg/ha; giá thành 14.000 đ/kg, giá bán trung bình 21.000 lợi nhuận 7.000 đ/kg.

04 sao³⁵, đã vào các hệ thống như Co.opmart, Vinmart và hệ thống thương mại điện tử như Shopee, Sendo, Tiki.

- Triển khai thực hiện quy hoạch vùng trồng sen chuyên canh tại khu du lịch Đồng Sen Gò Thấp một cách đồng bộ, hiệu quả, khuyến khích nông dân tham gia thực hiện mô hình lúa - sen luân canh.

- Ngành hàng Sen bước đầu đã đăng ký tham gia Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 với mục tiêu khai thác các thế mạnh của sản phẩm nông nghiệp, giá trị văn hóa, lịch sử vào phát triển du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù của huyện (*cây sen*) theo định hướng sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn trở thành một sản phẩm của chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm “đa dạng hóa” và “đặc thù hóa” sản phẩm du lịch cho địa phương.

Từ cuối năm 2021, ngành hàng Sen đã được bổ sung vào một trong 06 ngành hàng chủ lực của tỉnh trong thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2025, để tiếp tục hoàn chỉnh chuỗi ngành hàng một cách bài bản, hiệu quả.

b) Ngành hàng cá sặc rằn

Từ đầu năm đến nay, diện tích thả nuôi 176 ha/200 ha, thấp hơn cùng kỳ 50 ha, sản lượng 1.047 tấn thấp hơn cùng kỳ 8.871 tấn. Duy trì và nhân rộng mô hình nuôi theo hướng VietGAP tại tổ hợp tác nuôi cá sặc rằn xã Láng Biển đã được chứng nhận cuối năm 2018 (*diện tích là 7,35 ha gồm 06 thành viên*). Hiện nay giá cá sặc rằn mẫu 8 con/kg, dao động từ 25.000 - 26.000 đ/kg thấp hơn 9.000 - 10.000 đ/kg so với cùng kỳ, giá thành 52.423 đ/kg tăng 6.423đ/kg so với cùng kỳ. Với giá bán như hiện nay người nuôi lỗ khoảng 26.000 - 27.000 đ/kg.

Trong quy trình sản xuất, người dân từng bước thay đổi dần theo hướng nuôi an toàn, dùng các loại men vi sinh thân thiện môi trường, không gây ảnh hưởng cho sức khỏe người tiêu dùng. Tái cơ cấu ngành hàng cá sặc rằn phải gắn kết giữa hộ nuôi và cơ sở chế biến để tạo ra sản phẩm mang giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, khô cá sặc rằn chủ yếu tiêu thụ nội địa là chính, tập trung vào các dịp lễ tết nên sản lượng tiêu thụ không cao, vì vậy các cơ sở chưa khai thác hết công suất chế biến. Trên địa bàn huyện Tháp Mười hiện có 02 sản phẩm cá sặc rằn đạt chứng nhận OCOP 3 sao.

Để ngành hàng được phát triển, tạo nên chuỗi giá trị bền vững, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp các ngành, hỗ trợ huyện xây dựng kế

³⁵ Năm 2019: có 04 sản phẩm đạt 3 sao gồm: Hạt sen sấy bơ, Rượu hồng sen tứ, Rượu hồng sen tứ đặc biệt và Trà tim sen của Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Du lịch Đồng Tháp Mười; 02 sản phẩm gồm: Trà hoa sen (4 sao); Trà Hà Diệp Liên (3 sao) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Khánh Thu. Năm 2020: có 03 sản phẩm đạt 3 sao gồm: Hạt sen tươi, Hạt sen sấy, Củ sen cắt lát của Chi nhánh tại Đồng Tháp - Công ty Sen Đại Việt; 01 sản phẩm đạt 3 sao là: Khô cá sặc rằn của Cơ sở Khô Dân Mập và 01 sản phẩm đạt 3 sao là: Khô cá sặc rằn của Cơ sở sản xuất khô cá sặc rằn Hùng Hồng. Năm 2021: có 11 sản phẩm đạt OCOP, trong đó có 07 sản phẩm 3 sao, 4 sản phẩm đạt 4 sao.

hoạch phát triển chuỗi liên kết ngành hàng cá sặc rằn gắn với vùng sản xuất trọng điểm đến năm 2025.

*** Huyện Cao Lãnh**

a) Ngành hàng Chanh

Toàn huyện Cao Lãnh có 1.120 ha chanh (*70 ha chanh không hạt*), sản lượng hàng năm đạt trên 28.000 tấn.

- Nông dân đã thay đổi tập quán sản xuất truyền thống, bước đầu đã áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, chuyển đổi giống chanh không hạt; xây dựng và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp nhãn hiệu “Chanh Cao Lãnh”. Có 67,86 ha (*58 hộ*) đạt tiêu chuẩn VietGAP và 50% diện tích (650 ha) chanh xử lý ra hoa mùa nghịch theo hướng an toàn.

- Thực hiện liên kết tiêu thụ ổn định với Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ và hệ thống siêu thị, bình quân 37 tấn/tháng.

- Hiện đang xây dựng vùng chuyên canh chanh xã Mỹ Long với diện tích 200 ha theo Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cây ăn quả vùng Đồng Tháp Mười phục vụ chế biến và xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025.

- Đã có 01 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 03 sao. Tuy nhiên, việc phát triển và đa dạng sản phẩm chế biến từ chanh vẫn còn hạn chế, đã hình thành chuỗi liên kết bền vững nhiều năm, nhưng chỉ dừng lại ở việc bán trái tươi.

b) Ngành hàng cá Đieu hồng

Phát triển tập trung ở các xã: Bình Thạnh, Mỹ Hiệp, Mỹ Long và Mỹ Xương - huyện Cao Lãnh, với khoảng 2.190 lồng, bè, sản lượng ước đạt 31.275 tấn. Duy trì 459 lồng/65 hộ cam kết sản xuất theo hướng an toàn vệ sinh thực phẩm. Huyện đang thực hiện mở 04 bến cá Đieu Hồng⁽³⁶⁾ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp liên kết tiêu thụ. Tiếp tục hỗ trợ Hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ cá đieu hồng Bình Thạnh phát triển chứng nhận VietGAP, nâng cao chất lượng khô cá đieu hồng và đa dạng hoá sản phẩm (*cá tươi làm sẵn, chế biến chả cá và phi lê cá đieu hồng*).

Ngành hàng chưa xây dựng được mối liên kết khép kín, chưa phát triển sản phẩm được chứng nhận OCOP.

⁽³⁶⁾ Bến Cá Tư sĩ, Bến cá Bảy Nghĩa, Bến cá Năm nghiệp ở ấp 3 xã Bình Hàng Tây và 01 Bến cá ở Khu dân cư ấp Bình Tân xã Bình Thạnh do UBND xã quản lý.

Phụ lục 3: MÔ HÌNH SẢN XUẤT SẠCH GẮN VỚI LIÊN KẾT TIÊU THỤ

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNN ngày tháng năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

1. Lúa gạo

(1)- Mô hình sản xuất lúa hữu cơ: Phối hợp với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm thực hiện Mô hình nông nghiệp hữu cơ quy mô 05 ha (04 hộ tham gia), thực hiện tại xã An Long, huyện Tam Nông. Đã thu hoạch lúa với tổng sản lượng 30.241 kg, năng suất trung bình 6,05 tấn/ha, tương đương so với ngoài mô hình; giá bán 5.500 đồng/kg, cao hơn ngoài mô hình 200 đồng/kg, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm bao tiêu sản phẩm³⁷.

(2)- Mô hình “Hoàn thiện và mở rộng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn gắn với cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến xây dựng thương hiệu sản phẩm” (mô hình sản xuất lúa theo quy trình 1 phải 5 giảm) tại HTX DVNN Mỹ Đông 2: Quy mô 280 ha (184 hộ tham gia), thực hiện tại ấp 4, xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với Công ty VinaRice (giống lúa Vinarice20; diện tích 201,5 ha), Công ty CP giống cây trồng Cửu Long (giống lúa OM5451; diện tích 42,3 ha) và Công ty Gia Bảo Long An (giống lúa OM18, diện tích 36,2 ha)³⁸.

(3)- Thực hiện mô hình Lúa mùa - Cá linh - Tôm càng xanh³⁹ thuộc dự án WB9: tại phường An Bình B với qui mô 11 ha, đây là mô hình mới được triển khai trên địa bàn thành phố Hồng Ngự. Bước đầu đã mang lại hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho gia đình. Trong giai đoạn chờ xạ lúa mùa theo đúng thời vụ, tiến hành cải tạo mặt ruộng và bơm nước vào sâu khoảng 50 cm, sau 1-3 ngày chờ nước ruộng ổn định tiến hành thả bột cá linh (5.000.000 con), cá linh phát triển chủ yếu nhờ nguồn thức ăn tự nhiên có sẵn trên ruộng là chính, sau 1 tháng nuôi tiến hành rút nước cho cá xuống ao lững và thu hoạch xuất bán với giá 130.000 đ/kg, sản lượng trên 2 tấn cá linh non, lợi nhuận trên 200 triệu đồng. Sau đó tiến hành trồng lúa mùa, lúa khoảng 1 tháng tuổi thì tiến hành thả tôm vào nuôi xen canh, lúa trồng được trên 5 tháng tuổi đang trong giai đoạn trổ chín, còn tôm càng xanh đạt trọng lượng 20-30 con/kg. Thời gian khoảng 06 tháng sẽ thu hoạch lúa và tôm được sản xuất theo hướng hữu cơ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nên giá bán cao, đảm bảo lợi nhuận cao so với sản xuất lúa thường. Đây là mô hình đang được kỳ vọng nhân rộng trong năm 2022.

(4)- Thực hiện mô hình sản xuất lúa, gạo hữu cơ theo hướng an toàn và phân bón hữu cơ trùn quế quy mô sản xuất 15 ha trên cánh đồng ấp Thi, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng và cho thu hoạch rất khả quan với năng suất bình quân từ

³⁷ Chi cục Trồng trọt và BVTV thực hiện

³⁸ Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp và NSNT thực hiện

³⁹ Ông Bùi Chí Nhân - Nông dân Khóm 2, phường An Bình B, TP. Hồng Ngự

06 – 6,5 tấn/ha. Giá thành sản xuất giảm dần theo từng thời vụ (*các mùa vụ sau giảm chi phí hơn so với mùa vụ trước*)⁴⁰.

2. Mô hình chuyên đổi số

Tại thành phố Cao Lãnh đã triển khai thực hiện và đề nghị tái chứng nhận cấp 23 mã số vùng trồng (*diện tích xoài 756 ha, nhãn 21,1ha*) và đề nghị cấp mới 13 mã số vùng trồng xoài (*diện tích 292,5 ha*) nhằm truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đồng thời liên kết sản xuất theo hướng hữu cơ gắn với liên kết đầu ra sản phẩm của Tổ hợp tác xoài Hòa An liên kết sử dụng phân hữu cơ, ký kết đầu ra với Công ty TNHH Westerfram có 21 thành viên tham gia với sản lượng tiêu thụ được 107 tấn, giá thành cao hơn so với thị trường 1.500 - 2.000 đ/kg. Ngoài ra, kết nối thực hiện liên kết tiêu thụ 578 ha nông sản, với sản lượng 3.167,5 tấn (*trong đó: xoài 486 ha với sản lượng 2.435 tấn; nhãn 15,5 ha với sản lượng 232,5 tấn; lúa 76,5 ha với sản lượng 500 tấn*). Đồng thời, đã xây dựng phần mềm quản lý mã số vùng trồng trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, đây là ứng dụng đầu tiên áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ số mới vào việc quản lý mã số vùng trồng, từng bước thực hiện mục tiêu số hóa trong lĩnh vực nông nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi trong việc tra cứu, thống kê, chia sẻ thông tin phục vụ kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản có mã số vùng trồng làm cơ sở thông tin cho các Doanh nghiệp có nhu cầu muốn kết nối⁴¹.

3. Một số mô hình khác

Rau màu: Từ nguồn kinh phí tài trợ của Tổ chức Seed to Table, Nhật bản, thực hiện dự án phát triển nông nghiệp hữu cơ, đã tổ chức tập huấn về Nông nghiệp hữu cơ 12/17 lần theo kế hoạch tại Nhóm Sản xuất rau hữu cơ Long Thuận (*ấp Long Hòa, xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự*) và nhóm sản xuất rau hữu cơ Phú Thuận A (*ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự*), Nhóm Sản xuất rau hữu cơ Tân Hội (*ấp Tân Hội, xã Tân Bình, huyện Thanh Bình*). Đã hỗ trợ nông dân tại các Nhóm sản xuất rau hữu cơ Phú Mỹ, Long Thuận, Phú Thuận A liên kết tiêu thụ sản phẩm với Công ty TNHH Xã hội Công dân Chuyên nghiệp (ProCiFood)⁴².

Mô hình nuôi lợn tuần hoàn⁴³: tại phường An Thạnh là mô hình mới phát triển trên địa bàn thành phố Hồng Ngự, mô hình được triển khai thực hiện trong năm 2020. Với việc áp dụng quy trình tuần hoàn vào trong nuôi, sinh sản lợn giúp tiết kiệm được nguồn nước thải ra, giảm chi phí đầu tư, hạ giá thành sản xuất, tăng lợi nhuận, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị. Hơn 1 năm thực hiện mô hình, ông Trị đã thu lợi nhuận 465 triệu đồng/năm (*thu nhập bình quân đầu người*

⁴⁰ Ông Nguyễn Văn Chèo - Giám đốc Công ty TNHH Thành Chèo, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng

⁴¹ Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Cao Lãnh thực hiện

⁴² Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp và NSNT thực hiện

⁴³ Ông Huỳnh Bửu Trị - Hội viên nông dân phường An Thạnh, TP. Hồng Ngự

của gia đình là 155 triệu đồng/năm) và mô hình này đang được nhân rộng phát triển tại các địa phương trên địa bàn thành phố Hồng Ngự.

Mô hình nuôi heo sinh sản trong nhà kín liên kết Công ty Greenfeed⁴⁴: tại phường An Bình B và tiên phong thực hiện công tác tái đàn, mạnh dạng đầu tư mới chuồng trại liên kết với Công ty CP GreenFeed Việt Nam, áp dụng quy trình kỹ thuật nuôi heo trại kín kiểm soát nhiệt độ, bao tiêu đầu ra con giống theo giá thị trường. Vì vậy, với trại 1.000m², tổng đàn 115 heo nái giống, hàng năm tiêu thụ trên 2.500 con heo giống/năm.

⁴⁴ Ông Trần Văn Phơ - Nông dân phường An Bình B, TP. Hồng Ngự